

CHƯƠNG 16

Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-4

PHỤ LỤC

A. SƯ QUÂN ⁽¹⁾

Cục diện của các sứ quân

Trong thời kỳ Ngô Quyền giành lại độc lập cho đất nước năm 938, để lập nên nền độc lập tự chủ đầu tiên trên đất nước ta, các thế lực địa phương đã cùng ủng hộ, tham gia trong việc chiến đấu chung chống giặc và phục vụ cho vương triều nhà Ngô *bởi uy tín lẫn tài thao lược cá nhân* của Ngô Quyền.

⁽¹⁾ PHỤ LỤC A: Được lược trích trong “Nhìn Lại Sử Việt” của Lê Mạnh Hùng để độc giả tiện tham khảo.

Khi vua Ngô Quyền mất, vương triều nhà Ngô suy yếu đi bởi sự soán nghịch của Dương Tam Kha. Mầm mống sứ quân đã bắt đầu xuất hiện trở lại chứ không phải đợi tới khi Ngô Xương Văn (con vua Ngô Vương Quyền) chết mới có. Những sứ quân ấy có nhiều người đã từng là thuộc hạ của Ngô Quyền theo đánh quân Nam Hán, hay những quan chức đã tham chính trong triều đình nhà Ngô. Họ thuộc giới quan lại, quý tộc hay lãnh chúa *có thể lực riêng trước đó* chứ không phải xuất thân đột ngột từ giới nông dân nổi lên như trường hợp của Đinh Bộ Lĩnh.

- Ngay thời còn nhà Ngô, Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn (Hai con của Ngô Quyền / Ngập là anh, Văn là em) đã phải vất vả đi đánh dẹp khắp nơi. Kết quả, Ngô Xương Văn đã chết trong trận chiến chống nội loạn nổi lên ở Thái Bình.

- Con số 12 sứ quân đây chỉ là con số tượng trưng vì trên thực tế chắc còn nhiều hơn thế nữa mà sách sử không nêu thêm ra, như thế lực của Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư không được liệt kê trong danh sách 12 sứ quân. Tuy nhiên, vào thời gian này, lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh cũng đã mạnh lắm rồi. Đó là một thí dụ điển hình. Có thời kỳ cả Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn đích thân đem quân tiến đánh Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư mà không thắng được, phải rút về.

Danh sách 12 Sứ quân

1) Kiều Công Hãn xưng là Kiều Tam Chế chiếm giữ Phong Châu (nay thuộc Bạch Hạc, Vĩnh Yên.)

2) Kiều Thuận, em ruột Kiều Công Hãn, xưng là Kiều Lệnh Công, giữ đất Hồi Hồ (nay thuộc huyện Cẩm Khê, Phú Thọ.)

3) Nguyễn Khoan, xưng là Nguyễn Thái Bình, giữ đất Nguyễn Gia Loan (nay thuộc huyện An Lạc, Vĩnh Yên.)

4) Nguyễn Thủ Tiệp, xưng là Nguyễn Lệnh Công, giữ đất Tiên Du, Bắc Ninh.

5) Nguyễn Siêu, xưng là Nguyễn Hữu Công, giữ đất Phù Liệt (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Đông).

6) Lý Khuê, xưng là Lý Lãng Công, giữ Siêu Loại (nay thuộc Thuận Thành, Bắc Ninh).

7) Lữ Đường xưng là Lữ Tá Công, giữ Tê Giang (nay thuộc Văn Giang, Hưng Yên).

8) Phạm Bạch Hổ, xưng là Phạm Phòng Át, giữ Đằng Châu (nay thuộc Kim Động, Hưng Yên).

9) Trần Lãm, xưng là Trần Minh Công, giữ Bồ Hải Khẩu, Thái Bình.

10) Ngô Nhật Khánh, xưng là Ngô Lãm Công, giữ Đường Lâm, Sơn Tây.

11) Ngô Xương Xí, con Ngô Xương Ngập, giữ Bình Kiều.

12) Đỗ Cảnh Thạc xưng là Đỗ Cảnh Công, giữ Đỗ Động (nay thuộc Thanh Oai, Hà Đông).



Nguồn bản đồ: "Tầm nhìn chiến lược của Đinh Bộ Lĩnh"
của Phạm Như Thom.

Vài nét đặc thù về 12 sứ quân

- Đa số các sứ quân tập trung ở Phong Châu và Giao Châu tức vùng trung du và đồng bằng sông Hồng như những tỉnh Vĩnh Yên, Phú Thọ, Hà Đông, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hưng Yên, Thái Bình ngày nay, mà không nhắc gì đến vùng phía nam của Hoa Lư là Ái Châu và Hoan Châu tức Thanh Hóa-Nghệ An ngày nay.

Lực lượng và vùng ảnh hưởng của các sứ quân *không lớn lắm*, có thể chỉ là vài huyện hay vài làng chia nhau trong cùng một tỉnh:

- Kiều Công Hãn, Nguyễn Khoan cùng nổi lên ở Vĩnh Yên.

- Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Khuê cùng nổi lên ở Bắc Ninh.

- Nguyễn Siêu, Đỗ Cảnh Thạc cùng nổi lên ở Hà Đông.

- Lữ Đường, Phạm Bạch Hổ cùng nổi lên ở Hưng Yên

- Vài sứ quân lại có *quan hệ* mật thiết với nhau:

- Kiều Công Hãn và Kiều Thuận *cùng là cháu nội* của Kiều Công Tiễn, người đã giết Dương Diên Nghệ. Về sau Kiều Công Tiễn bị Ngô Quyền giết đi nhưng cả hai người cháu này vẫn được làm quan dưới triều Ngô.

- Nguyễn Khoan, Nguyễn Tiệp, Nguyễn Siêu là ba *anh em ruột*.

- Ngô Xương Xí và Ngô Nhật Khánh là *dòng tộc nhà Ngô*.

- Vài sứ quân đã từng trong cùng phe nhóm đem Ngô Xương Ngập đi trốn về Nam Sách (Hải Dương) khi Dương Tam Kha đoạt ngôi nhà Ngô như Kiều Thuận, Kiều Công Hãn, Đỗ Cảnh Thạc, Ngô Nhật Khánh và Phạm Bạch Hổ *đều là quan trong triều Ngô*.

Tiến trình cuộc chinh phạt

Trong chính sử thì không thấy nói đến tiến trình chinh phạt này. Nhưng một một số sử gia đã từng phân tích và phỏng đoán dựa trên cơ sở lý luận để cho ta một số dữ kiện có thể tạm dùng trong việc truy tìm một *sự thật gần đúng nhất*:

- Lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh vào lúc 12 sứ quân nổi lên đã mạnh lắm rồi. Đinh Bộ Lĩnh được đông đảo dân chúng trong vùng hưởng ứng và ủng hộ, trong đó có nhiều người tài giỏi như Phạm Hạp, Lê Hoàn, Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ...

Ngô Xương Ngập và Ngô Xương Văn đích thân đem quân triều đình đi đánh mà không dẹp được. Có thể lúc này Đinh Bộ Lĩnh đã chiếm lĩnh hay ít ra đã tạo được ảnh hưởng mạnh ở Thanh Hóa và Nghệ An qua ảnh hưởng của cha ông là Đinh Công Trứ đã từng là thứ sử ở vùng này.

- Sự gia nhập của Đinh Bộ Lĩnh vào lực lượng của Trần Lâm ở Thái Bình dưới hình thức làm con

nuôi, nhưng đúng thực ra đó là một liên minh quân sự giữa hai lực lượng với nhau. Nay, Đinh Bộ Lĩnh đã có trong tay vùng đất của Trần Lãm là Bồ Hải Khẩu (Thái Bình), cửa sông thông ra biển, một địa bàn kinh tế quan trọng kể cả về nội thương lẫn ngoại thương. Vừa có lực lượng quân sự mạnh, vừa có nền kinh tế thuận lợi, lại có nguồn cung cấp nhân lực từ hậu cứ thuộc hai châu Ái và Hoan cung cấp cho chiến tranh. Đinh Bộ Lĩnh đã có đủ điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hòa để xuất quân chinh phạt các sứ quân khác.

(Khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp được loạn sứ quân lên ngôi Hoàng đế, Trần Lãm được phong làm Phụ Dực Quốc Chính Thượng Công. Em Trần Lãm là Trần Thăng được Bộ Lĩnh gả con gái là công chúa Minh Châu cho và sau được phong là Phò mã đô úy.)

- Sứ quân Phạm Bạch Hổ, chiếm giữ Đằng Châu (Hưng Yên). Đằng Châu nằm ở ngay bờ sông Hồng, phía trên Bồ Hạ Khẩu. Kinh tế của Đằng Châu phụ thuộc vào Bồ Hạ Khẩu. Đinh Bộ Lĩnh đóng ở Bồ Hạ Khẩu như bóp nghẹt yết hầu kinh tế của Phạm Bạch Hổ. Khi Đinh Bộ Lĩnh xuất quân, việc đầu tiên là tiến đánh Đằng Châu. Phạm Bạch Hổ phải ra hàng. Đó là chiến thắng đầu tiên của Đinh Bộ Lĩnh.

- Sau khi Phạm Bạch Hổ đầu hàng. Đinh Bộ Lĩnh liền tấn công những sứ quân thuộc dòng họ nhà Ngô. Ngô Nhật Khánh phải xin hàng.

- Tiếp đó Đinh Bộ Lĩnh đánh Kiều Công Hãn ở Phong Châu (Bạch Hạc, Vĩnh Yên ngày nay). Kiều Công Hãn chạy xuống phối hợp với Ngô Nhật Khánh. Được tin Nhật Khánh đã đầu hàng. Công Hãn tiếp tục chạy xuống tới Ninh Bình thì chết.

- Bộ Lĩnh sai Nguyễn Bặc dẹp ba anh em họ Nguyễn và tự mình tiếp tục đi dẹp những sứ quân khác.

Thế là chỉ trong vòng 3 năm, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp tan 12 sứ quân vào năm 968 để lên ngôi Hoàng đế, lấy quốc hiệu *Đại Cồ Việt*, đóng đô ở Hoa Lư.

GHI CHÚ THÊM: Khi vua Đinh Tiên Hoàng mất. *Ngô Nhật Khánh* sang cầu viện nước Chiêm sang đánh ta. Chiêm Thành đem 1000 chiến thuyền sang toan tính tiến chiếm Hoa Lư. Nhưng khi vừa tới cửa biển sông Đáy đổ vào Hoa Lư thì bị bão đánh chìm tất cả chỉ trừ vua Chiêm chạy thoát. Ngô Nhật Khánh chết trong trận bão này.

B. LÊ ĐẠI HÀNH ⁽²⁾

Một vài việc làm của vua Lê Đại Hành được coi như *xảy ra lần đầu tiên ở nước ta*.

*- Vị vua đầu tiên đi cày “*tịch điền*” (Đinh Hợi - 987) ở cánh đồng dưới chân núi Đọi. Sự kiện này mở ra thông lệ nhà vua đích thân xuống ruộng đi

⁽²⁾ PHỤ LỤC B: Được lược trích trong “*Việt Sử Những Dấu Ấn Đầu Tiên*” của Lê Thái Dũng.

cày hàng năm để khuyến khích phát triển nông nghiệp.

*- Vị vua đầu tiên có tục *phong Vương và phong đất cho con* để giữ những nơi hiểm yếu. Chính vì vậy, khi vua Lê Đại Hành vừa băng hà thì các Vương đem quân chém giết lẫn nhau dẫn đến sự việc nhà Tiền Lê không giữ ngôi báu được bao lâu thì lại rơi vào tay người khác.

*- Vị vua đầu tiên *đặt nhiều niên hiệu*. Khi vua Lê Đại Hành lên ngôi, tiếp tục dùng niên hiệu của Đinh Phế Đế (Đinh Toàn) trong 8 năm (980-988).

- Đổi niên hiệu là Hưng Thống vào tháng Giêng năm Kỷ Sửu (989-993)

- Đổi niên hiệu là Ứng Thiên vào tháng Giêng năm Giáp Ngọ (994). Niên hiệu này được dùng cho đến khi ngài mất.

*- Vị vua đầu tiên có *tôn hiệu* dài.

- Đinh Tiên Hoàng sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, được bầy tôi dâng tôn hiệu là *Đại Thắng Minh Hoàng Đế*.

- Lê Đại Hành sau khi thắng quân Tống, được bầy tôi dâng tôn hiệu là *Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thắng Bình Chí Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế* ⁽³⁾.

*- Vị vua không có *thụy hiệu* khi chết.

(³) Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.

Thông thường khi vua chết thì con cái đặt thụy hiệu cho cha. Nhưng khi vua Lê Đại Hành mất, các con đem quân tranh dành ngôi báu liên tục trong 8 tháng nên không người con nào đặt thụy hiệu cho cha. Thụy hiệu có hai loại: *công thụy* và *tư thụy*. Công thụy do vua hay triều đình đặt ra để tránh gọi tên thật, tư thụy là tên do con cháu, bạn bè, môn đồ đặt cho khi chết. Như Lê Hoàn có công thụy là Đại Hành Hoàng Đế, tư thụy của ngài khi chết không có nên dùng công thụy của ngài thay vào. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có phê phán “*Vì Ngọa Triều là đứa con bất hiếu (không giống cha), lại không có bề tôi Nho học giúp đỡ bàn về phép đặt thụy cho nên thế*”.■

